

SỞ Y TẾ NINH BÌNH
BỆNH VIỆN LAO VÀ BỆNH PHỔI

DANH MỤC THUỐC SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN NĂM 2016-2017

STT	MA_HOAT_CHAT	HOAT_CHAT	MA_DUONG_DUN	DUONG_DUNG_AX	HAM_LUON_G	TEN_THUOC	SO_DANG_KY	DON_VI_TINH	DON_GIA	SO_LUONG	HANG_SX	NUOC_SX	NHA_THAU
4	40.642	Iobitridol	2.10	Tiêm	300mg Iod/ml	Xenetix 300mg/ml 50ml	VN-16786-13	Lọ	275,000	450	Guerbet	Pháp	Công ty TNHH MTV DP
5	40.79	Cetirizin	1.01	Uống	10mg	Cetazin	VD-19542-13	Viên	69	27,000	Vacopharm	Việt Nam	Công ty TNHH DP Tín E
6	40.173	Cefotaxim	2.10	Tiêm	1g	Biotaksym	VN-14769-12	Lọ	23,499	8,000	Pharmaceutical Works Polpharma	Ba lan	Cty TNHH Tân Phương I
7	40.173	Cefotaxim	2.10	Tiêm	1g	Harbitaxime	VN-15656-12	Lọ	9,291	1,000	Harbin Pharmaceutical Group Co., Ltd	China	Cty CP DP Hà Nam Ninh
8	40.757	Beclomethason	5.07	Xịt mũi	50 mcg/ liều	Beclate Aquanase	VN-15753-12	Lọ	95,000	100	Cipla	India	Cty CP DP Hà Nam Ninh
9	40.12	Lidocain (hydroclorid)	2.10	Tiêm	0,04g/ 2ml	Lidocain	VD-12996-10	ống	455	4,000	Vinphaco	Việt Nam	Cty CP DP Vĩnh Phúc
10	40.229	Ciprofloxacin	1.01	Uống	500mg	Scanax 500	VD-22676-15	Viên	830	500	LD Stada-VN	Việt Nam	Cty TNHH DP Nam Thái
11	40.86	Epinephrin (adrenalin)	2.10	Tiêm	1mg/ 1ml	Adrenalin	VD-12988-10	ống	2,020	500	Vinphaco	Việt Nam	Cty CP DP Vĩnh Phúc
12	40.973	Budesonid	5.05	Khí dung	500mcg/ 2ml	Budesonide Teva	VN-15282-12	ống	12,948	17,000	Norton Healthcare	UK	Cty CP DP Hà Nam Ninh
13	40.761	Budesonid	5.05	Khí dung	500mcg/ 2ml	Budocort	VN-15754-12	ống	10,000	18,000	Cipla	India	Cty CP DP Hà Nam Ninh
14	40.973	Budesonid	5.07	Xịt mũi	64mcg/ liều	Benita	VD-23879-15	Lọ	90,000	300	Cty CP Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Cty TNHH MTV Dược P Nam Hà Nội
15	40.992	Codein + terpin hydrat	1.01	Uống	200mg + 5mg	Codenterpin	VD-19246-13	Viên	350	15,000	Hadiphar	Việt Nam	Cty TNHH DP Hoàng Yế
16	40.943	Clorpromazin (hydroclorid)	2.10	Tiêm	25mg	Aminazin 1,25%	VD-15685-11	ống	1,250	100	Danapha	Việt Nam	Cty CP Dược Danapha
17	40.96	Atropin (sulfat)	2.10	Tiêm	0,25mg/1ml	Atropin sulfat	VD-22582-15	ống	460	800	Thephaco	Việt Nam	Cty CP Dược - VTYT Th Hóa

18	40.688	Domperidon	1.01	Uống	10mg	Motilium-M	VN-14215-11	viên	1,813	1,000	OLIC (Thailand) Ltd.	Thái Lan	Cty CP Y dược phẩm Vimedimex
19	40.902	Fluticason propionat	5.07	Xịt mũi	50mcg/ liều	Meseca	VD-23880-15	Lọ	96,000	100	Cty CP Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Cty TNHH MTV Dược P Nam Hà Nội
20	40.980	Salbutamol (sulfat)	2.10	Tiêm	0,5mg/ 1ml	Vinsalmol	VD-13011-10	ống	2,730	40,000	Vinphaco	Việt Nam	Cty CP DP Vĩnh Phúc
21	40.980	Salbutamol (sulfat)	2.10	Tiêm	0,5mg/ 1ml	Salbutamol	VN-16083-12	ống	14,394	10,000	Warsaw Pharmaceutical	Ba lan	Cty CP DP Hà Nam Ninh
22	40.980	Salbutamol (sulfat)	1.01	Uống	4mg	Salbutamol	VD-15664-11	Viên	84	110,000	Vinphaco	Việt Nam	Cty CP DP Vĩnh Phúc
24	40.747	L-Ornithin-L-Aspartat	2.10	Tiêm	1g/5ml	Laknitol	VD-14474-11	ống	18,000	9,000	Công ty cổ phần Dược vật tư y tế	Việt Nam	Cty CP DP Vipharco
25	40.775	Methyl prednisolon	2.10	Tiêm	40mg	Solu-Medrol Inj 40mg 1's	VN-11234-10	lọ	33,100	4,000	Pfizer Manufacturing Belgium NV	Bi	Cty TNHH MTV Dược li TW2
26	40.775	Methyl prednisolon	1.01	Uống	16mg	Medrol Tab 16mg 30's	VN-13806-11	Viên	3,672	10,000	Pfizer Italia S.r.l	Italia	Cty TNHH MTV Dược li TW2
27	40.775	Methyl prednisolon	2.10	Tiêm	40 mg	Vinsolon	VD-19515-13	Lọ	13,440	5,000	Vinphaco	Việt Nam	Cty CP DP Vĩnh Phúc
28	40.775	Methyl prednisolon	1.01	Uống	16mg	Vinsolon	VD-17049-12	Viên	840	10,000	Vinphaco	Việt Nam	Cty CP DP Vĩnh Phúc
29	40.922	Alverin citrat	1.01	Uống	40mg	Alverin	VD-15643-11	Viên	105	3,000	Vinphaco	Việt Nam	Cty CP DP Vĩnh Phúc
30	40.971	Aminophylin	2.10	Tiêm	0,24g	DIAPHYLLIN Venosum 4.8%	VN-5363-10	ống	10,815	1,000	Gedeon Richter Plc.	Hungary	Cty CP DP Bến Tre
31	40.972	Bambuterol	1.01	Uống	10mg	Hayex	VD-14029-11	Viên	1,390	30,000	Davi Pharm Co., Ltd	Việt Nam	Cty CP DP Hà Nam Ninh
32	40.974	Budesonid + Formoterol	5.03	Bột hít	160mcg+4,5mcg	Symbicort Tur Oth 60 Dose 160/4.5	VN-12852-11	ống	286,440	7,000	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Cty TNHH MTV Dược li TW2
33	40.976	Fenoterol + ipratropium	5.04	Xịt	0,02mg/ nhát xịt + 0,05mg/ nhát xịt	Berodual	VN-17269-13	Bình	132,323	3,000	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG.	Đức	Cty CP Y dược phẩm Vimedimex
34	40.972	Bambuterol	1.01	Uống	10mg	Bambec Tab 10mg 30's	VN-16125-13	viên	5,639	210,000	AstraZeneca Pharmaceutical	Trung Quốc	Cty TNHH MTV Dược li TW2
35	40.98	Calci gluconat	2.10	Tiêm	10%, 10ml	Calcium Gluconate Proamp 10%	20973/QLD-KD	ống	13,860	50	Laboratoire Aguettant	Pháp	Cty CP Y dược phẩm Vimedimex
36	40.980	Salbutamol (sulfat)	5.04	Xịt	100mcg/ liều	Buto-Asma	VN-16442-13	Lọ	59,200	1,000	Laboratorio Aldo Union	Tây Ban Nha	Cty CP DP Hà Nam Ninh

37	40.980	Salbutamol (sulfat)	5.05	Khí dung	2,5mg/ 2,5ml	Hivent	VN-15047-12	ống	4,149	50,000	Euro-med	Phillipines	Cty CP DP Hà Nam Ninh
38	40.980	Salbutamol (sulfat)	5.05	Khí dung	2,5mg/ 2,5ml	Zensalbu nebules 2.5mg	VD-21553-14	ống	4,200	5,000	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1	Việt Nam	Cty CP DP Trung ương C
39	40.980	Salbutamol (sulfat)	5.05	Khí dung	2.5mg/ 2.5ml	Ventolin Neb Sol 2.5mg/2.5ml 6x5's	VN-11572-10	ống	4,575	70,000	GlaxoSmithKline Australia Pty Ltd- úc	úc	Cty TNHH MTV Dược li TW2
40	40.980	Salbutamol (sulfat)	5.04	Xịt	100mcg/liều	Ventolin Inh 100mcg 200Dose	VN-18791-15	Bình xịt	76,379	9,200	Glaxo Wellcome S.A- Tây Ban Nha (đóng gói tại GlaxoSmithKline	Tây Ban Nha đóng gói úc	Cty TNHH MTV Dược li TW2
41	40.982	Salmeterol+ fluticason propionat	5.04	Xịt	250mcg/liều + 25mcg/liều	Seretide Evohaler DC 25/250mcg 120d	VN-14683-12	Bình xịt	278,090	5,900	Glaxo Wellcome SA - Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	Cty TNHH MTV Dược li TW2
42	40.985	Theophylin	1.01	Uống	100mg	Theophylin 100mg	VD-12399-10	Viên	59	225,000	Pharbaco	Việt Nam	Cty TNHH DV - ĐT PTY Ninh Bình
43	40.980	Salbutamol (sulfat)	5.05	Khí dung	5mg/ 2.5ml	Ventolin Neb Sol 5mg/2.5ml 6x5's	VN-13707-11	ống	8,513	7,000	GlaxoSmithKline Australia Pty Ltd- úc	úc	Cty TNHH MTV Dược li TW2
44	40.981	Salbutamol + ipratropium	5.05	Khí dung	0,52mg + 3mg	Combivent	VN-10786-10	ống	16,074	3,000	Laboratoire Unither	Pháp	Cty CP Y dược phẩm Vimedimex
45	40.998	N-acetylcystein	1.01	Uống	200mg	Aecysmux	VD-20185-13	Viên	199	160,000	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	Cty CP DP Cửu Long
46	40.481	Trimetazidin	1.01	Uống	35mg	Vastarel MR Tab 35mg 60's	VN-17735-14	viên	2,705	240	Les Laboratories Servier Industrie	Pháp	Cty TNHH MTV Dược li TW2
47	40.483	Amiodaron (hydroclorid)	1.01	Uống	200 mg	CORDARONE 200mg B/ 2bls x 15	VN-16722-13	viên	6,750	100	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Cty TNHH MTV Dược li TW2
48	40.67	Alpha chymotrypsin	1.01	Uống	4,2mg (21microkatal)	Hatabrypsin	VD-17913-12	Viên	168	110,000	Cty CP DP Hà Tây	Việt Nam	Cty CP DP Hà Tây
49	40.677	Omeprazol	1.01	Uống	20mg	Ovac-20	VD-20187-13	Viên	177	21,000	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	Cty CP DP Cửu Long
50	40.678	Esomeprazol	1.01	Uống	40 mg	Nexium Mups tab 40mg 2x7's	VN-11681-11	viên	22,456	500	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Cty TNHH MTV Dược li TW2
51	40.37	Ibuprofen	1.01	Uống	400mg	Biraxan	VD-11519-10	Viên	231	1,000	Bidiphar	Việt Nam	Cty CP Dược - TTBYT E Định
52	40.715	Sorbitol	1.01	Uống	5g	Sorbitol 5g	VD-9979-10	Gói	395	500	Danapha	Việt Nam	Liên danh Xuân Lộc - Ng An

53	40.182	Ceftizoxim	2.10	Tiêm	1g	Ceftibiotic 1000	VD-23016-15	Lọ	57,960	1,000	Cty CP dược phẩm	Việt Nam	Cty CP dược MP Tenamy
54	40.183	Ceftriaxon*	2.10	Tiêm	1g	Ceftriaxone Panpharma	VN-14834-12	Lọ	21,499	1,000	Panpharma	Pháp	Cty CP DP Vipharco
55	40.519	Nifedipin	1.01	Uống	10mg	Nifedipin 10mg	VD15074-11	Viên	190	6,000	Công ty cổ phần dược phẩm Nam	Việt Nam	Cty CP DP Nam Hà
56	40.184	Cefuroxim	2.10	Tiêm	750mg	Cefurofast 750	VD-19006-13	Lọ	15,750	5,000	Cty CP dược phẩm	Việt Nam	Cty CP dược MP Tenamy
57	40.184	Cefuroxim	2.10	Tiêm	1,5g	Viciroxim 1,5g	VD-18780-13	Lọ	16,100	8,000	VCP	Việt Nam	Cty CP dược phẩm VCP
58	40.184	Cefuroxim	1.01	Uống	500mg	Furacin 500	VD-13359-10	Viên	2,520	3,000	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	Cty CP DP Cửu Long
59	40.576	Piracetam	2.10	Tiêm	1g/ 5ml	Quibay 1g	VN-15822-12	ống	9,348	2,500	HBM Pharma S.r.o	Slovakia	Cty TNHH DV - ĐT PTY Ninh Bình
60	40.184	Cefuroxim	2.10	Tiêm	750mg	Cefuroxime Actavis 750mg	VN-18620-15	Lọ	23,730	7,000	BalkanpharmaRazgrad AD	Bulgaria	Cty CP TMDV Thăng Lo
61	40.196	Ticarcillin + kali clavulanat	2.10	Tiêm	1,5g + 0,1g	Combikit	VD-16930-12	Lọ	109,000	500	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	LD Cty CP TM Minh Dân Cty CP DP Minh Dân
62	40.212	Metronidazol	2.15	Tiêm truyền	500mg/ 100ml	Tarvizon	VN-15263-12	Chai	7,484	2,000	Shijiazhuang No 04 Pharma	China	Cty TNHH DV - ĐT PTY Ninh Bình
63	40.61	Colchicin	1.01	Uống	1mg	Colchicin	VD-22172-15	Viên	297	1,000	Khánh Hòa	Việt Nam	Cty TNHH DV - ĐT PTY Ninh Bình
64	40.216	Tinidazol	2.15	Tiêm truyền	400mg/ 100ml	Tinidazole Injection 100mg:400mg	VN-14564-12	Chai	25,000	500	Shijiazhuang No 04 Pharma	China	Cty TNHH DV - ĐT PTY Ninh Bình
65	40.59	Allopurinol	1.01	Uống	300mg	Darinol 300	VD-16186-12	Viên	345	2,000	Danapha	Việt Nam	Liên danh Xuân Lộc - Ng An
66	40.219	Azithromycin	1.01	Uống	250mg	Macromax SK	VD-15166-11	Viên	1,739	18,000	Sao Kim	Việt Nam	Cty CP DP Hà Nam Ninh
67	40.219	Azithromycin	1.01	Uống	500mg	Aziefti 500mg	VD-7439-09	Viên	3,357	6,000	Cty CPDP 3/2	Việt Nam	Cty TNHH DV - ĐT PTY Ninh Bình
68	40.659	Furosemid	1.01	Uống	40mg	Vinzix	VD-15672-11	Viên	126	1,000	Vinphaco	Việt Nam	Cty CP DP Vĩnh Phúc
69	40.227	Ciprofloxacin	2.10	Tiêm	200mg/ 100ml	Tarvicipro	VN-15262-12	Chai	7,940	2,000	Shijiazhuang No 04 Pharma	China	Cty TNHH DV - ĐT PTY Ninh Bình
70	40.661	Spironolacton	1.01	Uống	25mg	VEROSPIRON 25mg	VN-16485-13	Viên	1,785	500	Gedeon Richter Plc.	Hungary	Cty CP DP Bến Tre
71	40.220	Clarithromycin	1.01	Uống	250mg	Clarithromycin 250mg	VD-15394-11	Viên	1,299	30,000	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	Cty CP DP Cửu Long
72	40.220	Clarithromycin	1.01	Uống	500mg	Clarithromycin 500mg	VD-10694-10	Viên	2,390	30,000	DOMESCO	Việt Nam	Cty CP XNK Y tế Domes

73	40.656	Povidon iodin	3.05	Dùng ngoài	0.1	PVP Iodine 10%	VD-23736-15	Lọ	3,040	500	CETECO US	Việt Nam	Cty CP dược phẩm TW 3
74	40.659	Furosemid	2.10	Tiêm	20 mg/ 2ml	Vinzix	VD-12993-10	ống	1,570	200	Vinphaco	Việt Nam	Cty CP DP Vĩnh Phúc
75	05C.98	Men bia ép tinh chế	1.01	Uống	4g, 10ml	Biofil	VD-22274-15	ống	2,500	15,000	Thephaco	Việt Nam	Cty CP Dược - VTYT Th Hóa
76	40.227	Ciprofloxacin	2.10	Tiêm	200mg/ 100ml	Ciprofloxacin Polpharma	VN-18952-15	Chai	59,994	1,000	Pharmaceuticals Works Polpharma S.A	Ba lan	Cty CP DP Hà Nam Ninh
77	40.227	Ciprofloxacin	2.10	Tiêm	200mg/ 100ml	Ciprofloxacin Kabi	VD-20943-14	Chai	16,800	5,000	Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	Cty TNHH DP DL MD&
78	40.1011	Acid amin*	2.15	Tiêm truyền	5% - 250ml	Alvesin 5E	VN-10762-10	Chai	67,000	600	Berlin Chemie AG	Đức	Cty CP DP Việt Hà
79	40.1026	Ringer lactat	2.15	Tiêm truyền	500ml	Ringer lactate	VD-22591-15	Chai	7,140	3,000	Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	Cty TNHH DP DL MD&
81	40.1028	Nước cất pha tiêm	2.10	Tiêm	5ml	Nước cất pha tiêm	VD-15083-11	ống	620	100,000	Danapha	Việt Nam	Liên danh Xuân Lộc - Ng An
82	40.12	Lidocain (hydroclorid)	3.05	Phun mù	10%/ 38g	LIDOCAIN	VN-9201-09	Chai	123,900	3	Egis Pharmaceuticals Public Ltd., Co.	Hungary	Cty CP DP Bến Tre
83	40.155	Amoxicilin + acid clavulanic	1.01	Uống	500mg + 125mg	Ofmantine-Domesco 625mg	VD-22308-15	Viên	2,095	15,000	DOMESCO	Việt Nam	Cty CP XNK Y tế Domes
84	40.166	Cefazolin	2.10	Tiêm	1g	Cefazolin Actavis	VN-10713-10	Lọ	20,390	1,000	Balkanpharma Razgrad AD	Bulgaria	Cty TNHH DV - ĐT PTY Ninh Bình
85	40.169	Cefixim	1.01	Uống	200 mg	Docifix 200mg	VD-20345-13	Viên	1,260	8,000	DOMESCO	Việt Nam	Cty CP XNK Y tế Domes
86	40.1049	Vitamin B1	2.10	Tiêm	100mg/ 1ml	Vitamin B1	VD-13012-10	ống	500	500	Vinphaco	Việt Nam	Cty CP DP Vĩnh Phúc
87	40.1050	Vitamin B1 + B6 + B12	1.01	Uống	125mg + 125mg +	Ustrivit	VD-19241-13	Viên	650	100,000	Cty TNHH US Pharma USA	Việt Nam	Cty TNHH DP Sơn Tùng
88	40.114	Naloxon (hydroclorid)	2.10	Tiêm	0,4mg/ 1ml	Naloxonum Hydrochloricum	18432/QLD-KD	ống	36,960	10	Warsaw	Ba lan	Cty CP DP Trung ương C
89	40.116	Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	2.15	Tiêm	1,4%	Natri bicarbonat 1,4%	VD-12494-10	Chai	29,400	100	Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	Cty TNHH DP DL MD&
90	40.1015	Glucose	2.15	Tiêm truyền	0.05	Glucose 5%	VD-17664-12	Chai	7,140	12,000	Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	Cty TNHH DP DL MD&

91	40.1054	Vitamin B6	2.10	Tiêm	100 mg/ 1ml	Vitamin B6	VD-12449-10	ống	500	500	Vinphaco	Việt Nam	Cty CP DP Vĩnh Phúc
92	40.1055	Vitamin B6 + magnesi (lactat)	1.01	Uống	470mg+5mg	Magnesium - B6	VD-16231-12	Viên	118	10,000	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	Cty CP DP Cửu Long
93	40.1020	Manitol	2.15	Tiêm truyền	0.2	Mannitol	VD-23168-15	Chai	17,010	50	Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	Cty TNHH DP DL MD&
94	40.1021	Natri clorid	2.15	Tiêm truyền	0,9%	Natri clorid 0,9%	VD-21954-14	Chai	6,720	8,000	Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	Cty TNHH DP DL MD&
95	40.451	Tranexamic acid	1.01	Uống	500mg	Tranecid 500	VD-18363-13	Viên	1,644	4,500	Pharbaco	Việt Nam	Cty TNHH DV - ĐT PT Ninh Bình
96	40.455	Albumin	2.15	Tiêm truyền	20% 50mL	Human Albumin Octapharma 20%	VN-15027-12	Chai	686,700	20	Octapharma Pharmazeutika Produktionsge s.m.b.H	Austria (áo)	Cty TNHH TM Nam Đờ
97	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	2.10	Tiêm	1g/ 100ml	Paracetamol Kabi 1000	VD-19568-13	Chai	18,480	400	Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	Cty TNHH DP DL MD&
98	40.1015	Glucose	2.15	Tiêm truyền	0.1	Glucose 10%	VD-12491-10	Chai	10,290	1,500	Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	Cty TNHH DP DL MD&
99	40.1015	Glucose	2.10	Tiêm	1,5 g/ 5ml	Glucose 30%	VD-12994-10	ống	1,008	100	Vinphaco	Việt Nam	Cty CP DP Vĩnh Phúc
100	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	1.01	Uống	500mg	Panalganefter 500	VD-17904-12	Viên	564	10,000	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	Cty CP DP Cửu Long
101	40.48	Paracetamol (acetaminophen)	1.01	Uống	500mg	Paracetamol 500mg	VD-23604-15	Viên	92	3,000	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	LD Cty CP TM Minh Dân Cty CP DP Minh Dân
102	40.567	Kali clorid	2.10	Tiêm	1g/ 10ml	Potassium Chloride Proamp 0,10g/ml	VN-16303-13	ống	5,500	150	Laboratoire Aguettant	Pháp	Cty CP Y dược phẩm Vimedimex
103	40.501	Enalapril	1.01	Uống	10mg	Enap 10	VN-18643-15	Viên	777	4,500	KRKA, d.d., Novo mesto	Slovenia	Cty TNHH TM Nam Đờ
104	40.519	Nifedipin	1.01	Uống	10mg	Adalat Cap 10mg 30's	VN-14010-11	viên	2,253	30	Catalent Germany Eberbach GmbH; Cơ sở xuất xưởng: Bayer	Đức	Cty TNHH MTV Dược li TW2
105	40.827+824	Ringer lactat + Glucose	2.15	Tiêm truyền	500ml	Lactated ringer's and dextrose 5%	VD-21953-14	Chai	9,660	1,000	Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	Cty TNHH DP DL MD&

106	40.982	Salmeterol+ fluticason propionat	5.02	Dạng hít	125mcg/liều + 25mcg/liều	Seretide Evohaler DC 25/125mcg 120d	VN-15448-12	Bình xịt	225,996	5,800	Glaxo Wellcome SA - Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	Cty TNHH MTV Dược li TW2
107	40.982	Salmeterol+ fluticason propionat	5.01	Phun mù	25mcg +250mcg	FORAIR 250	VN-15747-12	ống	139,500	1,400	Cadila Healthcare Ltd.	India	Cty CP DP - TBYT Hà N
108	40.532	Digoxin	1.01	Uống	0,25mg	Digoxin	15192/QLD-KD	Viên	714	300	Actavis UK Limited	UK	Cty CP TMDV Thăng Lo
109	40.534	Dopamin (hydroclorid)	2.10	Tiêm	200mg/ 5ml	Dopamin 200mg 5ml	VN-15124-12	ống	19,950	75	Rotex	Đức	Cty CP DP Trung ương C
110	40.408	Glycyl funtumin (hydroclorid)	2.10	Tiêm	0,3mg/ ml	Aslem	VD-13920-11	ống	40,425	300	Vinphaco	Việt Nam	Cty CP DP Vĩnh Phúc
111	40.84	Diphenhydramin	2.10	Tiêm	10mg/ ml	Dimedrol	VD-12992-10	ống	540	2,000	Vinphaco	Việt Nam	Cty CP DP Vĩnh Phúc
112	40.242	Sulfamethoxazol + trimethoprim	1.01	Uống	400mg +80 mg	Cotrimoxazol 480mg	VD-17653-12	Viên	195	500	Công ty CP dược VTYT Thanh	Việt Nam	Công ty CP dược VTYT Thanh Hóa
113	40.805	Insulin trộn, hỗn hợp (Mixtard-acting, Dual-	2.10	Tiêm	1000UI/10ml	Scilin M30 (30/70)	VN8740-09	Lọ	141,800	50	Bioton S.A	Ba Lan	Công ty CPDP Nam Hà
114	40.805	Insulin trộn, hỗn hợp (Mixtard-acting, Dual-	2.10	Tiêm	1000UI/10ml	Scilin M30 (30/70)	VN8740-09	Lọ	141,800	50	Bioton S.A	Ba lan	Cty CP DP Nam Hà
115	40.451	Tranexamic acid	2.10	Tiêm	500mg/ 5ml	Toxaxine	VN-9668-10	ống	17,500	4,000	Daihan Pharm. Co., Ltd	Hàn Quốc	Cty CP TM & DP Ngọc 1
116	40.992	Codein + terpin hydrat	1.01	Uống	200mg + 5mg	Terdein F	VD-10713-10	Viên	332	8,000	DOMESCO	Việt Nam	Công ty CP XNK Y tế DOMESCO
117	40.179	Ceftazidim	2.10	Tiêm	2g	Vitazidim 2g	VD-19986-13	Lọ	24,800	500	VCP	Việt Nam	Công ty CP dược phẩm V
118	40.184	Cefuroxim	2.10	Tiêm	1500mg	Biofumoksym	VN-19303-15	Lọ	41,895	8,000	Pharmaceutical Works Polpharm	Ba lan	Cty TNHH Viparm
119	40.67	Alpha chymotrypsin	1.01	Uống	4,2mg (21microkatal)	Katrypsin	VD-18964-13	Viên	234	5,000	Khánh Hòa	Việt Nam	Công ty CP DP Hà Nam
120	40.4	Diazepam	2.10	Tiêm	10mg	Diazepam 10mg/2ml	VN-15613-12	Ống	9,261	500	Đức-Boehringer	Đức	Cty CPDP Ninh Bình
121	40.799	Glibenclamid	1.01	Uống	3,5mg	Plariche	VN-9532-10	Viên	689	300	S.C.Arena Group S.A	Romania	Công ty CP DP Hà Nam
122	40.212	Metronidazol	1.01	Uống	400mg	Metronidazol Stada 400 mg	VD-9030-09	Viên	520	300	Liên doanh Stada-VN	Việt Nam	Công ty TNHH DP Nam Hoa
123	40.803	Insulin tác dụng trung bình, trung gian	2.10	Tiêm	1.000UI/10ml	Diamisu 70+30 10ml	VN-9661-10	Lọ	134,000	10	Getz Pharma	Pakistan	Công ty Cổ phần Dược pl Xuân Lộc
124	40.985	Theophylin	1.01	Uống	100mg	Theostat L.P 100mg	VN-14339-11	Viên	1,636	5,000	Pierre Fabre Medicament	Pháp	Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex
125	40.173	Cefotaxim	2.10	Tiêm	1g	Zentotaxim CPC1	VD-18002-12	Lọ	6,966	100	VCP	Việt Nam	Công ty CP dược phẩm V

126	40.184	Cefuroxim	1.01	Uống	250mg	Zinnat Tab 250 10's	VN-5372-10	viên	13,166	300	Glaxo Operations UK Ltd -Anh	Anh	Cty TNHH MTV dược li TW 2
127	40.173	Cefotaxim	2.10	Tiêm	2g	Taxibiotic 2000	VD-19008-13	Lọ	32,445	4,400	Cty CP dược phẩm	Việt Nam	Cty CP dược MP Tenamy
128	40.982	Salmeterol xinafoate + Fluticasone propionate	5.03	Bột hít	50mcg/250mcg	Seretide Accuhaler Pwd 50 /250mcg	VN-15447-12	Bình hít	259,147	800	Glaxo Operations UK Ltd-Anh	Anh	Công ty TNHH một thành phần Dược liệu TW 2
129	40.982	Salmeterol xinafoate + Fluticasone propionate	5.03	Bột hít	50mcg/500mcg	Seretide Accuhaler 50/500 mcg 60's	VN-17041-13	Bình hít	335,928	850	Glaxo Operations UK Ltd-Anh	Anh	Công ty TNHH một thành phần Dược liệu TW 2
130	40.985	Theophylin	1.01	Uống	100mg	Theostat L.P 100mg	VN-14339-11 (Có CV gia hạn hiệu lực SDK)	Viên	1,636	300,000	Pierre Fabre Medicament production - Pháp	Pháp	Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex
131	40.171	Cefoperazon*	2.10	Tiêm	1g	Hwazon inj	VN-17053-13	Lọ	43000	10000	Korea	Korea	Cty TNHH MTV TM và Bảo Tín